

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỌ AN KHANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỌ AN KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703274401

**3. Ngày thành lập:** 17/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 134/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0878175170

Fax:

Email: nguyemlien8@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                              | 4329                                                         |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                         | 4390                                                         |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                          | 4530                                                         |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                          | 4632                                                         |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                        | 4641                                                         |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                         | 4651                                                         |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                             | 4659                                                         |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                         | 4662                                                         |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                     | 4663                                                         |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                           | 4669(Chính)                                                  |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                         | 4931                                                         |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                              | 4933                                                         |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                 | 5210                                                         |
| 14. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                            | 5224                                                         |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                               | 6820                                                         |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                   | 7310                                                         |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                      | 7710                                                         |
| 18. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                  | 7820                                                         |
| 19. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                        | 8559                                                         |
| 20. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                       | 1811                                                         |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                     | 3320                                                         |
| 22. | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                                                                                              | 4101                                                         |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                         | 4222                                                         |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                           | 4312                                                         |
| 25. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THỌ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/08/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026076013669

Ngày cấp: 25/03/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 10 KP Đồng, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 10 KP Đồng, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THỌ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/08/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026076013669

Ngày cấp: 25/03/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 10 KP Đồng, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 10 KP Đồng, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương